

Số: 30./2023/VBCCTT-COTANACAPITAL

Thừa Thiên Huế, ngày 08 tháng 08 năm 2023

(Về việc cung cấp thông tin về khu Nhà ở
xã hội XH3 thuộc khu Nhà ở xã hội –
Chung cư cao tầng OXH1)

**CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI XH3
THUỘC KHU NHÀ Ở XÃ HỘI- CHUNG CƯ CAO TẦNG OXH1**

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế

Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn COTANA- Công ty Cổ phần tập đoàn TELIN - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản COTANA CAPITAL cung cấp thông tin về Nhà ở xã hội XH3 thuộc Khu nhà ở xã hội – Chung cư cao tầng OXH1, thuộc Dự án khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc Khu B, Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng: Nhà ở xã hội XH3 thuộc Khu nhà ở xã hội – Chung cư cao tầng OXH1 thuộc dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc khu B – Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Địa điểm xây dựng: Dự án Khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc khu B – Đô thị mới An Vân Dương - Phường Thủy Vân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Tên và địa chỉ của chủ đầu tư:

- Tên nhà đầu tư: **Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn Cotana – Công ty Cổ phần Tập đoàn Telin – Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital;**

- Đại diện Liên danh:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital

+ Giấy ĐKKD : Số 3301604829 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2017, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 07/4/2023;

+ Địa chỉ : CM3-03 Camellia Khu đô thị mới An Vân Dương, phường Thủy Vân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

+ Điện thoại : (84-234).3848.998

4. Thời gian địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua Nhà ở xã hội:

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký mua nhà ở xã hội liên hệ trực tiếp chủ đầu tư để được hướng dẫn và nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Địa chỉ: Văn phòng Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Cotana Capital (địa chỉ: CM3-03 Camellia Khu đô thị mới An Vân Dương, phường Thủy Vân, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế)

5. Tiến độ thực hiện dự án: Từ tháng 06/2023 đến tháng 12/2024.

6. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng:

*** Khối nhà XH3:**

- Tầng cao: 01 tầng hầm + 15 tầng nổi;
- Chiều cao: 55,1 m (tính từ sân đường nội bộ); trong đó tầng hầm cao 2,9m, tầng 01 cao 4,2m, tầng 2 đến tầng 15 cao 3,3m/tầng, tầng tum cao 3,8m.
- Diện tích xây dựng: 1.104 m²;
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 17.878 m²;
- Số lượng căn hộ: 182 căn;
- Diện tích đỗ xe: 2.040m²; trong đó diện tích đỗ xe trong nhà là 1.591,4 m² (trong đó, diện tích đỗ xe máy là 1.203,8 m², diện tích đỗ xe ô tô là 387,6 m²), diện tích đỗ xe ngoài nhà là 449 m² (đỗ xe ô tô);
- Diện tích sàn sử dụng căn hộ: 10.975m²;
- Diện tích sinh hoạt cộng đồng: 161,0 m²;

*** Phương án thiết kế:**

- Thiết kế kết cấu móng dưới cột và khu vực bố trí thang máy theo phương án móng cọc bê tông ly tâm ứng suất trước, cọc BTCT sử dụng cọc PHC D500 loại A; sức chịu tải theo thiết kế là 170T; cường độ chịu nén của bê tông cọc là 80 Mpa; Hệ đài móng, giằng móng, nền tầng hầm, vách tầng hầm sử dụng bê tông cấp độ bền B30.

- Kết cấu phân thân: Hệ kết cấu khung dầm, cột, vách, lõi sàn toàn khối, sử dụng bê tông cấp độ bền B30.

*** Phương án phòng cháy, chữa cháy:** Bao gồm hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống báo cháy, hệ thống thông gió và hút khói, thiết kế hệ thống điện động lực và điều khiển.

7. Thông tin căn hộ mở bán:

- Số lượng: 146/182 căn hộ, diện tích căn hộ: (43 ÷ 73) m² chi tiết theo bảng đính kèm
- Giá bán bình quân căn hộ (đã bao gồm thuế GTGT 5%, chưa bao gồm chi phí bảo trì 2%): **16.485.326 đồng/m²**

8. Đối tượng được đăng ký mua nhà ở xã hội:

1. Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

4. Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị;

5. Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp;

6. Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân;

7. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;

8. Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 81 của Luật này;

9. Học sinh, sinh viên các học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề; học sinh trường

dân tộc nội trú công lập được sử dụng nhà ở trong thời gian học tập;

10. Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.

9. Điều kiện được đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa có quyền sử dụng đất ở, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội; chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại Huế.

- Có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố Huế. Hoặc tạm trú 01 năm trở lên tại tỉnh, thành phố Huế và đồng thời có giấy xác nhận đóng bảo hiểm xã hội từ 01 năm trở lên tại tỉnh, thành phố Huế. (Đối với đối tượng thu nhập thấp lao động tự do phải có thường trú hoặc tạm trú tại khu vực thành phố Huế)

- Đối với đối tượng được mua thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân.

10. Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

Thành phần hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, Nghị định số 49/2021/NĐ-CP và Thông tư 09/2021/TT-BXD.

Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA- Công ty Cổ phần Tập đoàn TELIN
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản COTANA CAPITAL cung cấp thông tin về Nhà ở xã hội XH3 thuộc Khu nhà ở xã hội – Chung cư cao tầng OXH1, thuộc Dự án khu phức hợp Thủy Vân giai đoạn 2, thuộc Khu B, Đô thị mới An Vân Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế để Sở Xây dựng được biết.

Trân trọng cảm ơn!


ĐẠI DIỆN LIÊN DANH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN COTANA CAPITAL

P.TGD - GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Đào Chu Thủy

THÔNG TIN CÁC CĂN MỞ BÁN ĐỢT 1 NHÀ Ở XÃ HỘI XH3

Đính kèm công văn về việc cung cấp thông tin về khu Nhà ở xã hội XH3 thuộc khu Nhà ở xã hội – Chung cư cao tầng OXH1

STT	Mẫu nhà	Số nhà	Tầng	DT Sử dụng	Diện tích sàn XD	Giá phê duyệt (tạm tính)	Tỷ Lệ Tăng/Giảm	Giá bán
1	C2B	W3201	2	66.40	70.32	16,485,326	-4.757%	15,701,117
2	C2A	W3202	2	66.20	70.52	16,485,326	-1.993%	16,156,823
3	C3	W3203	2	66.30	70.53	16,485,326	0.772%	16,612,528
4	C1	W3204	2	72.70	77.27	16,485,326	-2.244%	16,115,395
5	B1A	W3205	2	54.50	57.72	16,485,326	2.279%	16,861,094
6	B1B	W3206	2	54.50	57.72	16,485,326	1.274%	16,695,383
7	C2C	W3207	2	66.10	70.32	16,485,326	-1.993%	16,156,823
8	C2D	W3208	2	66.10	70.32	16,485,326	-0.234%	16,446,817
9	A1	W3209	2	43.40	47	16,485,326	2.279%	16,861,094
10	C3	W3210	2	66.30	70.53	16,485,326	0.269%	16,529,672
11	B1D	W3211	2	54.30	57.72	16,485,326	1.777%	16,778,239
12	B1A	W3212	2	54.50	57.72	16,485,326	-0.736%	16,363,961
13	B1C	W3212A	2	54.50	57.72	16,485,326	-1.741%	16,198,250
14	C2B	W3301	3	66.40	70.32	16,485,326	-4.506%	15,742,545
15	C2A	W3302	3	66.20	70.52	16,485,326	-1.741%	16,198,250
16	C3	W3303	3	66.30	70.53	16,485,326	1.023%	16,653,956
17	C1	W3304	3	72.70	77.27	16,485,326	-1.993%	16,156,823
18	B1A	W3305	3	54.50	57.72	16,485,326	2.531%	16,902,522
19	B1B	W3306	3	54.50	57.72	16,485,326	1.526%	16,736,811
20	C2C	W3307	3	66.10	70.32	16,485,326	-1.741%	16,198,250
21	C2D	W3308	3	66.10	70.32	16,485,326	0.018%	16,488,245
22	A1	W3309	3	43.40	47	16,485,326	2.531%	16,902,522
23	C3	W3310	3	66.30	70.53	16,485,326	0.520%	16,571,100
24	B1D	W3311	3	54.30	57.72	16,485,326	2.028%	16,819,667
25	B1A	W3312	3	54.50	57.72	16,485,326	-0.485%	16,405,389
26	B1C	W3312A	3	54.50	57.72	16,485,326	-1.490%	16,239,678
27	C2B	W3401	4	66.40	70.32	16,485,326	-4.757%	15,701,117
28	C2A	W3402	4	66.20	70.52	16,485,326	-1.993%	16,156,823
29	C3	W3403	4	66.30	70.53	16,485,326	0.772%	16,612,528
30	C1A	W3404	4	72.70	77.27	16,485,326	-2.244%	16,115,395
31	B1A	W3405	4	54.50	57.72	16,485,326	2.279%	16,861,094
32	B1B	W3406	4	54.50	57.72	16,485,326	1.274%	16,695,383
33	C2C	W3407	4	66.10	70.32	16,485,326	-1.993%	16,156,823
34	C2D	W3408	4	66.10	70.32	16,485,326	-0.234%	16,446,817
35	A1	W3409	4	43.40	47	16,485,326	2.279%	16,861,094
36	C3	W3410	4	66.30	70.53	16,485,326	0.269%	16,529,672
37	B1D	W3411	4	54.30	57.72	16,485,326	1.777%	16,778,239
38	B1A	W3412	4	54.50	57.72	16,485,326	-0.736%	16,363,961
39	B1C	W3412A	4	54.50	57.72	16,485,326	-1.741%	16,198,250
40	C2B	W3501	5	66.50	70.32	16,485,326	-3.501%	15,908,256

048

IG T
ND/
ATT
ONG
ACAI

HUB

41	C2A	W3502	5	66.30	70.52	16,485,326	-0.736%	16,363,961
42	C3	W3503	5	66.30	70.53	16,485,326	2.028%	16,819,667
43	C1A	W3504	5	72.80	77.27	16,485,326	-0.987%	16,322,534
44	B1A	W3505	5	54.60	57.72	16,485,326	3.536%	17,068,233
45	B1B	W3506	5	54.60	57.72	16,485,326	2.531%	16,902,522
46	C2C	W3507	5	66.20	70.32	16,485,326	-0.736%	16,363,961
47	C2D	W3508	5	66.30	70.32	16,485,326	1.023%	16,653,956
48	A1	W3509	5	43.50	47	16,485,326	3.536%	17,068,233
49	C3	W3510	5	66.30	70.53	16,485,326	1.526%	16,736,811
50	B1D	W3511	5	54.30	57.72	16,485,326	3.033%	16,985,378
51	B1A	W3512	5	54.60	57.72	16,485,326	0.520%	16,571,100
52	B1C	W3512A	5	54.60	57.72	16,485,326	-0.485%	16,405,389
53	C2B	W3601	6	66.50	70.32	16,485,326	-2.998%	15,991,112
54	C2A	W3602	6	66.30	70.52	16,485,326	-0.234%	16,446,817
55	C3	W3603	6	66.30	70.53	16,485,326	2.531%	16,902,522
56	C1A	W3604	6	72.80	77.27	16,485,326	-0.485%	16,405,389
57	B1A	W3605	6	54.60	57.72	16,485,326	4.039%	17,151,089
58	B1B	W3606	6	54.60	57.72	16,485,326	3.033%	16,985,378
59	C2C	W3607	6	66.20	70.32	16,485,326	-0.234%	16,446,817
60	C2D	W3608	6	66.30	70.32	16,485,326	1.526%	16,736,811
61	A1	W3609	6	43.50	47	16,485,326	4.039%	17,151,089
62	C3	W3610	6	66.30	70.53	16,485,326	2.028%	16,819,667
63	B1D	W3611	6	54.30	57.72	16,485,326	3.536%	17,068,233
64	B1A	W3612	6	54.60	57.72	16,485,326	1.023%	16,653,956
65	B1C	W3612A	6	54.60	57.72	16,485,326	0.018%	16,488,245
66	C2B	W3701	7	66.50	70.32	16,485,326	-4.506%	15,742,545
67	C2A	W3702	7	66.30	70.52	16,485,326	-1.741%	16,198,250
68	C3	W3703	7	66.30	70.53	16,485,326	1.023%	16,653,956
69	C1A	W3704	7	72.80	77.27	16,485,326	-1.993%	16,156,823
70	B1A	W3705	7	54.60	57.72	16,485,326	2.531%	16,902,522
71	B1B	W3706	7	54.60	57.72	16,485,326	1.526%	16,736,811
72	C2C	W3707	7	66.20	70.32	16,485,326	-1.741%	16,198,250
73	C2D	W3708	7	66.30	70.32	16,485,326	0.018%	16,488,245
74	A1	W3709	7	43.50	47	16,485,326	2.531%	16,902,522
75	C3	W3710	7	66.30	70.53	16,485,326	0.520%	16,571,100
76	B1D	W3711	7	54.30	57.72	16,485,326	2.028%	16,819,667
77	B1A	W3712	7	54.60	57.72	16,485,326	-0.485%	16,405,389
78	B1C	W3712A	7	54.60	57.72	16,485,326	-1.490%	16,239,678
79	C2B	W3801	8	66.50	70.32	16,485,326	-2.998%	15,991,112
80	C2A	W3802	8	66.30	70.52	16,485,326	-0.234%	16,446,817
81	C3	W3803	8	66.30	70.53	16,485,326	2.531%	16,902,522
82	C1	W3804	8	72.80	77.27	16,485,326	-0.485%	16,405,389
83	B1A	W3805	8	54.60	57.72	16,485,326	4.039%	17,151,089
84	B1B	W3806	8	54.60	57.72	16,485,326	3.033%	16,985,378

29
Y
U
T
RIE
S
ITAL
THE

85	C2C	W3807	8	66.20	70.32	16,485,326	-0.234%	16,446,817
86	C2D	W3808	8	66.30	70.32	16,485,326	1.526%	16,736,811
87	A1	W3809	8	43.50	47	16,485,326	4.039%	17,151,089
88	C3	W3810	8	66.30	70.53	16,485,326	2.028%	16,819,667
89	B1D	W3811	8	54.30	57.72	16,485,326	3.536%	17,068,233
90	B1A	W3812	8	54.60	57.72	16,485,326	1.023%	16,653,956
91	B1C	W3812A	8	54.60	57.72	16,485,326	0.018%	16,488,245
92	C2B	W3901	9	66.50	70.32	16,485,326	-3.501%	15,908,256
93	C2A	W3902	9	66.30	70.52	16,485,326	-0.736%	16,363,961
94	C3	W3903	9	66.30	70.53	16,485,326	2.028%	16,819,667
95	C1	W3904	9	72.80	77.27	16,485,326	-0.987%	16,322,534
96	B1A	W3905	9	54.60	57.72	16,485,326	3.536%	17,068,233
97	B1B	W3906	9	54.60	57.72	16,485,326	2.531%	16,902,522
98	C2C	W3907	9	66.20	70.32	16,485,326	-0.736%	16,363,961
99	C2D	W3908	9	66.30	70.32	16,485,326	1.023%	16,653,956
100	A1	W3909	9	43.50	47	16,485,326	3.536%	17,068,233
101	C3	W3910	9	66.30	70.53	16,485,326	1.526%	16,736,811
102	B1D	W3911	9	54.30	57.72	16,485,326	3.033%	16,985,378
103	B1A	W3912	9	54.60	57.72	16,485,326	0.520%	16,571,100
104	B1C	W3912A	9	54.60	57.72	16,485,326	-0.485%	16,405,389
105	C2B	W31001	10	66.60	70.32	16,485,326	-4.506%	15,742,545
106	C2A	W31002	10	66.40	70.52	16,485,326	-1.741%	16,198,250
107	C3	W31003	10	66.30	70.53	16,485,326	1.023%	16,653,956
108	C1A	W31004	10	72.90	77.27	16,485,326	-1.993%	16,156,823
109	B1A	W31005	10	54.60	57.72	16,485,326	2.531%	16,902,522
110	B1B	W31006	10	54.60	57.72	16,485,326	1.526%	16,736,811
111	C2C	W31007	10	66.40	70.32	16,485,326	-1.741%	16,198,250
112	C2D	W31008	10	66.50	70.32	16,485,326	0.018%	16,488,245
113	A1	W31009	10	43.60	47	16,485,326	2.531%	16,902,522
114	C3	W31010	10	66.30	70.53	16,485,326	0.520%	16,571,100
115	B1D	W31011	10	54.40	57.72	16,485,326	2.028%	16,819,667
116	B1A	W31012	10	54.60	57.72	16,485,326	-0.485%	16,405,389
117	B1C	W31012A	10	54.60	57.72	16,485,326	-1.490%	16,239,678
118	C2B	W31101	11	66.60	70.32	16,485,326	-5.008%	15,659,690
119	C2A	W31102	11	66.40	70.52	16,485,326	-2.244%	16,115,395
120	C3	W31103	11	66.30	70.53	16,485,326	0.520%	16,571,100
121	C1A	W31104	11	72.90	77.27	16,485,326	-2.495%	16,073,967
122	B1A	W31105	11	54.60	57.72	16,485,326	2.028%	16,819,667
123	B1B	W31106	11	54.60	57.72	16,485,326	1.023%	16,653,956
124	C2C	W31107	11	66.40	70.32	16,485,326	-2.244%	16,115,395
125	C2D	W31108	11	66.50	70.32	16,485,326	-0.485%	16,405,389
126	A1	W31109	11	43.60	47	16,485,326	2.028%	16,819,667
127	C3	W31110	11	66.30	70.53	16,485,326	0.018%	16,488,245
128	B1D	W31111	11	54.40	57.72	16,485,326	1.526%	16,736,811



129	B1A	W31112	11	54.60	57.72	16,485,326	-0.987%	16,322,534
130	B1C	W31112A	11	54.60	57.72	16,485,326	-1.993%	16,156,823
131	C2B	W31201	12	66.60	70.32	16,485,326	-5.511%	15,576,834
132	C2A	W31202	12	66.40	70.52	16,485,326	-2.747%	16,032,539
133	C3	W31203	12	66.30	70.53	16,485,326	0.018%	16,488,245
134	C1A	W31204	12	72.90	77.27	16,485,326	-2.998%	15,991,112
135	B1A	W31205	12	54.60	57.72	16,485,326	1.526%	16,736,811
136	B1B	W31206	12	54.60	57.72	16,485,326	0.520%	16,571,100
137	C2C	W31207	12	66.40	70.32	16,485,326	-2.747%	16,032,539
138	C2D	W31208	12	66.50	70.32	16,485,326	-0.987%	16,322,534
139	A1	W31209	12	43.60	47	16,485,326	1.526%	16,736,811
140	C3	W31210	12	66.30	70.53	16,485,326	-0.485%	16,405,389
141	B1D	W31211	12	54.40	57.72	16,485,326	1.023%	16,653,956
142	B1A	W31212	12	54.60	57.72	16,485,326	-1.490%	16,239,678
143	B1C	W31212A	12	54.60	57.72	16,485,326	-2.495%	16,073,967
144	B1A	W312A05	12A	54.60	57.72	16,485,326	0.018%	16,488,245
145	B1B	W312A06	12A	54.60	57.72	16,485,326	-0.987%	16,322,534
146	A1	W312A09	12A	43.60	47	16,485,326	0.018%	16,488,245


